

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

---

**Hà Nam - Tháng 03 năm 2021**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thành An 77 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700100257, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2008, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Thanh An 77 Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt: THANH AN 77.,JSC.

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 13.409.000.000 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu đồng), vốn thực góp là 13.408.773.482 đồng.

Trụ sở đăng ký của Công ty: Thôn Đồng Mười, Xã Liên Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Bà Bùi Thị Nguyễn Hạnh	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Tiến Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên
Bà Lê Thị Lan Hòa	Thành viên

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đình Công	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**


**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Nguyễn Đình Công**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nam, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Số: 112/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Thành An 77

**Kính gửi:**  
**Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thành An 77**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thành An 77, được lập ngày 19 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham dự chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này cũng không giúp chúng tôi thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục nêu trên và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện nhập xuất hàng tồn kho. Tuy nhiên, phương pháp tính giá trị xuất kho vật tư của Công ty từ năm 2016 chưa phù hợp nên giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 01/01/2016 không phản ánh hợp lý và ảnh hưởng đến thời điểm 31/12/2020, với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty. Theo đó, bất kỳ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng có thể làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

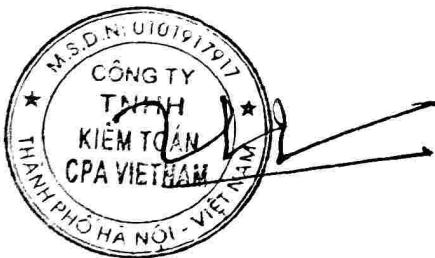
Công ty đang thực hiện đàm phán với các ngân hàng về việc cơ cấu lại các khoản vay, trong đó bao gồm việc giảm và xóa một phần lãi vay. Theo đó, Công ty không thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay hàng năm vào kết quả kinh doanh. Tới thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được văn bản chính thức nào từ phía ngân hàng về vấn đề này. Theo ước tính của Kiểm toán viên, chi phí lãi vay cần ghi nhận lũy kế đến 31/12/2019 là 43.873.631.786 đồng, chi phí lãi vay năm 2020 là 10.280.359.478 đồng.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại mục 4 Thuyết minh Báo cáo tài chính - Hoạt động liên tục, tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đã ngừng các hoạt động chính, giảm phần lớn số lượng lao động, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 8,37 tỷ đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hơn 14 lần, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 147 tỷ đồng ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



A handwritten signature in black ink, appearing to read "Minh".

**Vũ Ngọc Ân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**Nguyễn Khánh Minh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.492.869.238</b>	<b>5.735.074.054</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.212.171.306</b>	<b>144.534.897</b>
1. Tiền	111		1.212.171.306	144.534.897
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>774.358.837</b>	<b>946.079.187</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.967.559.344	9.121.034.544
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		373.516.192	373.516.192
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6.841.947.470	6.841.947.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(15.408.664.169)	(15.390.419.019)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>3.505.941.095</b>	<b>4.644.459.970</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.505.941.095	4.644.459.970
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>398.000</b>	<b>-</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		398.000	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.618.361.108</b>	<b>34.624.089.208</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>61.950.000</b>	<b>61.950.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	1.619.387.931	1.619.387.931
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	61.950.000	61.950.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.4	(1.619.387.931)	(1.619.387.931)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.551.881.503</b>	<b>34.556.357.175</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	24.550.272.772	34.550.748.448
- Nguyên giá	222		153.866.363.455	153.866.363.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.316.090.683)	(119.315.615.007)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.608.731	5.608.727
- Nguyên giá	228		367.987.883	367.987.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(366.379.152)	(362.379.156)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.529.605</b>	<b>5.782.033</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.529.605	5.782.033
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>30.111.230.346</b>	<b>40.359.163.262</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>206.608.580.886</b>	<b>208.483.368.929</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>152.850.133.470</b>	<b>154.724.921.513</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	11.764.953.457	11.912.149.067
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		86.524.800	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	3.505.108.071	3.695.607.962
4. Phải trả người lao động	314		152.756.477	152.756.477
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	2.359.254.178	2.962.773.483
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	89.538.646.486	89.538.646.486
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	45.442.890.001	46.462.988.038
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>53.758.447.416</b>	<b>53.758.447.416</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	53.758.447.416	53.758.447.416
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(176.497.350.540)</b>	<b>(168.124.205.667)</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>(176.440.185.492)</b>	<b>(168.067.040.619)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.408.773.482	13.408.773.482
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.408.773.482	13.408.773.482
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.613.600	557.613.600
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(190.406.572.574)	(182.033.427.701)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(182.033.427.701)	(172.372.807.178)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.373.144.873)	(9.660.620.523)
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(57.165.048)</b>	<b>(57.165.048)</b>
1. Nguồn kinh phí	432		(57.165.048)	(57.165.048)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>30.111.230.346</b>	<b>40.359.163.262</b>

Hà Nam, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Người lập



Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Công



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	2.303.288.364	1.869.121.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.303.288.364	1.869.121.000
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	8.907.703.163	9.669.890.364
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(6.604.414.799)	(7.800.769.364)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	139.438	182.240
7. Chi phí tài chính	22	5.17	61.124.000	47.502.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61.124.000	47.502.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.18	538.870.055	1.596.934.742
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(7.204.269.416)	(9.445.023.866)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	5.19	1.168.875.457	215.596.657
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.168.875.457)	(215.596.657)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(8.373.144.873)	(9.660.620.523)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(8.373.144.873)	(9.660.620.523)

Người lập



Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Dũng

Hà Nam, ngày 19 tháng 3 năm 2021  
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Công

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01		2.773.617.200	1.902.557.900
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(186.883.028)	(76.518.500)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.200.000)	(16.200.000)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	303.290.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(482.939.164)	(582.498.889)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.087.595.008</b>	<b>1.530.630.511</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	(5.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		139.438	182.240
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>139.438</b>	<b>(4.817.760)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		58.000.000	137.500.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.078.098.037)	(1.853.061.170)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.020.098.037)</b>	<b>(1.715.561.170)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.067.636.409</b>	<b>(189.748.419)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	144.534.897	334.283.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>1.212.171.306</b>	<b>144.534.897</b>

Hà Nam, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Người lập

Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Công

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700100257, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2008, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Thanh An 77 Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt: THANH AN 77.,JSC.

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 13.409.000.000 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu đồng), vốn thực góp là 13.408.773.482 đồng.

Trụ sở đăng ký của Công ty: Thôn Đồng Mười, Xã Liên Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2020 là 3 người (Năm 2019 là 3 người).

##### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng lao động tạm thời; hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng); bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; cung ứng và quản lý nguồn lao động (cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước)

Hoạt động chính trong năm của Công ty là cho thuê dây chuyền sản xuất và nhà xưởng.

##### 1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

#### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản vô hình là Hệ thống phần mềm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Trong năm 2020, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2020</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

TSCĐ vô hình là hệ thống phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Công ty chưa hạch toán đầy đủ lãi vay phải trả vào chi phí tài chính do đang đàm phán với ngân hàng về việc cơ cấu lại nợ gốc và miễn giảm lãi vay.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Kết quả kinh doanh của Công ty liên tục bị lỗ nên Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các Công ty con, Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Hoạt động liên tục**

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đã ngừng các hoạt động chính, giảm phần lớn số lượng lao động, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 8,37 tỷ đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hơn 14 lần, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 147 tỷ đồng, ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban giám đốc tin tưởng vào các kế hoạch tái cơ cấu được trình bày dưới đây tiếp tục giúp Công ty hoạt động. Cụ thể:

Tháng 2/2017, Tổng Công ty Thành An chiếm tỷ lệ sở hữu 51% đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của mình cho cổ đông mới là Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam., một doanh nghiệp có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xi măng.

Tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam đã nhận chuyển nhượng và tiếp quản tư cách cổ đông của Tổng Công ty Thành An và đang thực hiện các hoạt động tái cơ cấu đối với Công ty Cổ phần Thành An 77.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,  
 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.186.306.850	142.054.432
Tiền gửi ngân hàng	25.864.456	2.480.465
<b>Tổng</b>	<b>1.212.171.306</b>	<b>144.534.897</b>

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.967.559.344</b>	<b>9.121.034.544</b>
Cửa hàng VLXD Xuân Lương	1.358.429.000	1.358.429.000
Đào Xuân Hiếu - TT62	1.127.481.520	1.127.481.520
Nguyễn Đình Thuận - TT63	863.873.000	863.873.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	5.617.775.824	5.771.251.024
<b>Dài hạn</b>	<b>1.619.387.931</b>	<b>1.619.387.931</b>
Đầu hàng đ/c Lộc - TT63	624.097.258	624.097.258
CN Cty TNHH TM&XD Bắc TL tại Hà Nam	39.342.000	39.342.000
Đầu hàng đ/c Sơn - TT63	512.613.198	512.613.198
Khách hàng khác	443.335.475	443.335.475
<b>Tổng</b>	<b>10.586.947.275</b>	<b>10.740.422.475</b>

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.841.947.470</b>	<b>4.948.383.989</b>	<b>6.841.947.470</b>	<b>4.948.383.989</b>
Tạm ứng	1.246.529.653	1.115.946.499	1.246.529.653	1.115.946.499
Nguyễn Bá Uyên	3.730.682.153	2.611.477.507	3.730.682.153	2.611.477.507
Các khoản khác	1.864.735.664	1.220.959.983	1.864.735.664	1.220.959.983
<b>Dài hạn</b>	<b>61.950.000</b>	<b>-</b>	<b>61.950.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược	61.950.000	-	61.950.000	-
<b>Tổng</b>	<b>6.903.897.470</b>	<b>4.948.383.989</b>	<b>6.903.897.470</b>	<b>4.948.383.989</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.4 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	17.028.052.100	-	17.028.052.100	18.245.150

*Trong đó:*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Quá hạn 6 tháng-01 năm	Quá hạn từ 1 - 2 năm	Quá hạn từ 2 - 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	-	-	8.967.559.344
Phải thu khác	-	-	-	6.441.104.825
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	1.619.387.931

**5.5 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.229.807.295	-	4.368.326.170	-
Thành phẩm	276.133.800	-	276.133.800	-
<b>Tổng</b>	<b>3.505.941.095</b>	<b>-</b>	<b>4.644.459.970</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÀU B 09 - DN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2020	51.308.228.332	100.280.474.481	2.021.179.575	256.481.067	153.866.363.455
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	51.308.228.332	100.280.474.481	2.021.179.575	256.481.067	153.866.363.455
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2020	38.505.034.675	78.538.136.098	2.021.179.575	251.264.659	119.315.615.007
Tăng trong năm	3.114.436.356	6.881.202.540	-	4.836.780	10.000.475.676
Khấu hao trong năm	3.114.436.356	6.881.202.540	-	4.836.780	10.000.475.676
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	41.619.471.031	85.419.338.638	2.021.179.575	256.101.439	129.316.090.683
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2020	12.803.193.657	21.742.338.383	-	5.216.408	34.550.748.448
Tại 31/12/2020	9.688.757.301	14.861.135.843	-	379.628	24.550.272.772

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020 là 62.072.257.036 đồng (tại 31/12/2019 là 52.372.689.847 đồng).

Phần lớn TSCĐ của Công ty đã được mang đi cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng.

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm tín học	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2020	40.000.000	327.987.883	367.987.883
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	40.000.000	327.987.883	367.987.883
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2020	40.000.000	322.379.156	362.379.156
Tăng trong năm	-	3.999.996	-
Khấu hao trong năm	-	3.999.996	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	40.000.000	326.379.152	366.379.152
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2020	-	1.608.731	5.608.727
Tại 31/12/2020	-	5.608.727	1.608.731

**5.8 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	11.764.953.457	-	11.912.149.067	-
Công ty TNHH Trường Hải	73.388.100	-	73.388.100	-
LILAMA Ninh Bình	1.668.805.689	-	1.668.805.689	-
Công ty KS&TM Hà Tĩnh	1.501.720.700	-	1.501.720.700	-
Công ty CP Than Sông Hồng	1.110.027.560	-	1.110.027.560	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	7.411.011.408	-	7.558.207.018	-
<b>Tổng</b>	<b>11.764.953.457</b>		<b>11.912.149.067</b>	

Khả năng trả nợ của Công ty tùy thuộc vào khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu cũng như việc tái cơ cấu trong thời gian tới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.9 Thuế và các khoản phải trả nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
<b>Phải nộp</b>	<b>3.695.607.962</b>	<b>231.328.109</b>	<b>421.828.000</b>	<b>3.505.108.071</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.404.474.872	224.356.109	414.596.000	1.214.234.981
Thuế thu nhập cá nhân	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
Thuế tài nguyên	260.000	2.172.000	2.432.000	-
Thuế khác	2.289.073.090	3.000.000	3.000.000	2.289.073.090
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>398.000</b>	<b>398.000</b>
Thuế tài nguyên	-	-	398.000	398.000

**5.10 Chi phí phải trả**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.359.254.178</b>	<b>2.962.773.483</b>
Khoản tiền quân trang	-	7.645.272
Chi phí sản xuất đá thành phẩm (1x2) đội đá	-	83.928.112
Tiền lương nghỉ phép, lễ phép trích trước (các năm)	1.396.097.013	1.396.097.013
Lãi vay phải trả cá nhân	963.157.165	902.033.165
Chi bảo hiểm lao động các năm	-	573.069.921
<b>Tổng</b>	<b>2.359.254.178</b>	<b>2.962.773.483</b>

**5.11 Phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>89.538.646.486</b>	<b>89.538.646.486</b>
Kinh phí công đoàn	172.419.117	172.419.117
Bảo hiểm xã hội	209.978.780	209.978.780
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	89.156.248.589	89.156.248.589
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư &amp; PT Hà Nam</i>	<i>43.067.096.159</i>	<i>43.067.096.159</i>
<i>Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV</i>	<i>40.743.811.395</i>	<i>40.743.811.395</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>5.345.341.035</i>	<i>5.345.341.035</i>
<b>Tổng</b>	<b>89.538.646.486</b>	<b>89.538.646.486</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả</b>	<b>45.442.890.001</b>	-	<b>58.000.000</b>	<b>1.078.098.037</b>	<b>46.462.988.038</b>	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	43.165.936.518	-	-	1.078.098.037	44.244.034.555	-
Vay cá nhân	1.502.453.483	-	-	-	1.502.453.483	-
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	774.500.000	-	58.000.000	-	716.500.000	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>53.758.447.416</b>	-	-	-	<b>53.758.447.416</b>	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	53.758.447.416	-	-	-	53.758.447.416	-
<b>Tổng</b>	<b>99.201.337.417</b>	-	<b>58.000.000</b>	<b>1.078.098.037</b>	<b>100.221.435.454</b>	-

Khả năng trả nợ các khoản vay tùy thuộc vào khả năng thu hồi các khoản công nợ cũng như việc tái cơ cấu của cổ đông mới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẤU B 09 - DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	13.408.773.482	557.613.600	(172.372.807.178)	(158.406.420.096)
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	(9.660.620.523)	(9.660.620.523)
Số dư tại 31/12/2019	13.408.773.482	557.613.600	(182.033.427.701)	(168.067.040.619)
Số dư tại 01/01/2020	13.408.773.482	557.613.600	(182.033.427.701)	(168.067.040.619)
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	(8.373.144.873)	(8.373.144.873)
Số dư tại 31/12/2020	13.408.773.482	557.613.600	(190.406.572.574)	(176.440.185.492)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	6.831.580.000	6.831.580.000
Vốn của Cổ đông khác	6.577.193.482	6.577.193.482
<b>Tổng</b>	<b>13.408.773.482</b>	<b>13.408.773.482</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	13.408.773.482	13.408.773.482
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	13.408.773.482	13.408.773.482

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.340.877	1.340.877
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.340.877	1.340.877
Cổ phiếu phổ thông	1.340.877	1.340.877
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.340.877	1.340.877
Cổ phiếu phổ thông	1.340.877	1.340.877
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.14 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.303.288.364	1.869.121.000
<b>Tổng</b>	<b>2.303.288.364</b>	<b>1.869.121.000</b>

**5.15 Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.907.703.163	9.669.890.364
<b>Tổng</b>	<b>8.907.703.163</b>	<b>9.669.890.364</b>

**5.16 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	139.438	182.240
<b>Tổng</b>	<b>139.438</b>	<b>182.240</b>

**5.17 Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	61.124.000	47.502.000
<b>Tổng</b>	<b>61.124.000</b>	<b>47.502.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.18 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý	538.870.055	1.596.934.742
Chi phí nhân viên quản lý	18.000.000	18.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.836.776	10.676.190
Thuế phí và lệ phí	6.424.428	6.547.428
Chi phí dự phòng	18.245.150	1.351.177.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	2.976.179
Chi phí bằng tiền khác	487.363.701	207.557.454
<b>Tổng</b>	<b>538.870.055</b>	<b>1.596.934.742</b>

**5.19 Thu nhập khác, Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
<b>Tổng</b>	-	-
Chi phí khác		
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	30.356.582	215.596.657
Chi phí khác	1.138.518.875	-
<b>Tổng</b>	<b>1.168.875.457</b>	<b>215.596.657</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)</b>	<b>(1.168.875.457)</b>	<b>(215.596.657)</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**6.2 Các giao dịch và số dư với bên liên quan**

**a. Danh sách bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	Công ty mẹ

**b. Giao dịch với bên liên quan**

	<u>Năm 2020</u> VND	<u>Năm 2019</u> VND
<b>Bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	2.265.106.546	1.811.848.277
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	58.000.000	137.500.000

**c. Số dư với bên liên quan**

	<u>31/12/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	-	153.475.200
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	86.524.800	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	774.500.000	716.500.000

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Hà Nam, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Người lập



Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Công